

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2021/HS-ST.**

Ngày: 02-02-2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Kim Xuyên

Ông Trần Văn Điệp

***- Thư ký phiên Tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 04/2021/TLST-HS ngày 14 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2021; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 02/TB-TA ngày 26/01/2021 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn Th**, sinh năm 1966 tại thành phố T. Nơi đăng ký HKTT: Ấp L, xã M huyện C, tỉnh T; Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã Phước Th, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ học vấn: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Tr (chết) và bà Phạm Thị Nh (chết); có vợ Nguyễn Thị Bé N (đã ly hôn), có 03 con (lớn nhất sinh năm 1989; nhỏ nhất sinh năm 1995).

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/01/2020 đến ngày 19/01/2020 được hủy bỏ tạm giữ thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt).

***- Bị hại:*** Chị **Phan Thị Th**, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Phước Th, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 03 giờ ngày 12/10/2020, Nguyễn Văn Th là bảo vệ của công ty H, thuộc Khu công nghiệp 2, huyện N đi kiểm tra và dọn

vệ sinh xung quanh khu vực cổng chính và bãi đậu xe công ty. Khi đến bãi đậu xe, Th phát hiện xe mô tô biển số 82B1-547.11 của chị Phan Thị Th (sinh năm 1993 không đóng cốp xe nên nảy sinh ý định mở cốp xe tìm tài sản để trộm cắp. Th đi lại vị trí camera đặt tại nhà xe đẩy ngược camera lên phía trên sau đó đi đến mở cốp xe thì nhìn thấy 01 bóp da màu đen, bên trong có số tiền 8.000.000 đồng, Th trộm cắp số tiền trên và tiêu xài cá nhân hết. Đến 18 giờ ngày 14/10/2020, Th đến Đoàn công an khu công nghiệp N để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

- Tang vật vụ án: số tiền 8.000.000 đồng (đã trả lại cho chủ sở hữu).

\* Tại bản cáo trạng số 07/CT.VKS-NT ngày 06/01/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị: bị cáo Nguyễn Văn Th có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nhận thức rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật, đã thực hiện hoàn thành hành vi phạm tội. Tuy nhiên xét cho bị cáo phạm tội lần đầu, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục hậu quả, tài sản đã thu hồi và bị hại có đơn bãi nại. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 08 đến 10 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên Tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo Nguyễn Văn Th không tranh luận với bản luận tội của Kiểm sát viên, bị cáo nói lời nói sau cùng xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Vào ngày 12/10/2020, Nguyễn Văn Th đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 8.000.000 đồng của chị Phan Thị Th tại Công ty H, thuộc Khu công nghiệp 2, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Đến ngày 14/10/2020, Th đến Đoàn công an khu công nghiệp N đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo nhận thức rõ hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật, đã thực hiện hoàn

thành hành vi phạm tội. Vì vậy có đủ căn cứ và cơ sở xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố đối với bị cáo là có căn cứ.

[3]. Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

Tính chất, mức độ của hành vi: Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương và các khu công nghiệp. Do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cho bị cáo khi quyết định hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại bị cáo không vi phạm gì thể hiện việc tự cải tạo bản thân tốt nên không cần thiết áp dụng hình phạt tù giam mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách là phù hợp pháp luật.

[4]. Về xử lý vật chứng: số tiền 8.000.000 đồng đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N trả lại cho chị Th là phù hợp pháp luật.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản đã thu hồi trả cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xét.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng là phù hợp, nhưng mức hình phạt là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M huyện C, tỉnh T giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

\* Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án ./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo, bị hại;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Thi hành án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Phan Thị Xuân**